**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP ĐỊA LÍ 9**

**I. TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1.** Số lượng các dân tộc ở nước ta:

**A.** 54. **B.** 45. **C.** 75. **D.** 69.

**Câu 2.** Dân tộc nào chủ yếu sinh sống ở vùng núi cao:

**A.** Kinh. **B.** Mông. **C.** Dao. **D.** Thái.

**Câu 3.** Theo số liệu của tổng điều tra dân số ngày 01/4/2019, số dân nước ta là:

**A.** 100 triệu **B.** 90 triệu. **C.** 96,2 triệu. **D.** 86,3 triệu.

**Câu 4.**  Nước ta đang trong giai đoạn có cơ cấu dân số:

. **A.** Bạc. **B.** Đồng. **C.** Kim cương. **D.** Vàng

**Câu 5.** Trong các địa bàn sau đây nơi nào có mật độ dân số cao nhất :

**A.** Miền núi. **B.** Trung du. **C.** Đô thị. **D.** Nông thôn.

**Câu 6.** Đô thị lớn nhất nước ta:

**A.** Tp.HCM. **B.** Hà Nội . **C.** Cần Thơ.  **D.** Hải Phòng.

**Câu 7.** Vùng nào ở nước ta có tiềm năng nhất để phát triển thủy điện:

**A.** Bắc Trung Bộ. **B.** Tây Bắc. **C.** Đông Bắc . **D.** Tây Nguyên.

**Câu 8.** Công nghiệp khai thác than phân bố chủ yếu ở tỉnh nào sau đây:

**A.** Quảng Ninh **B.** Bắc Giang. **C.** Lào **Cai D.** Lai Châu.

**Câu 9. Ngành dịch vụ ở nước ta phát triển mạnh ở:**

**A.** Nơi thưa dân **B.** Đông dân. **C.** Vùng núi **D.** Vùng sâu.

**Câu 10.** Sân bay Cam Ranh thuộc tỉnh nào sau đây:

 **A.** Sơn La **B.** Hà Giang. **C.** Tây Ninh **D.** Khánh Hòa.

**Câu 11.** Cao nguyên đá Đồng Văn thuộc tỉnh:

 **A.** Hà Giang **B.** Cao Bằng. **C.** Yên Bái **D.** Bắc Kạn.

**Câu 12.** Tài nguyên du lịch nào dưới đây không phải là nhân văn:

 **A.** Chùa Hương **B.** Vịnh Hạ Long. **C.** Tháp Tràm. **D.** Phố cổ HN.

**Câu 13.** Tỉnh nào sau đây thuộc tiểu vùng Đông Bắc của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ:

 **A.** Lai Châu. **B.** Điện Biên. **C.** Bắc Giang **D.** Sơn La.

**Câu 14.** Địa hình của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ chủ yếu là:

 **A.** Đồi núi **B.** Đồng bằng. **C.** Cao nguyên **D.** Núi cao.

**Câu 15.** Tài nguyên quý giá nhất của vùng Đồng bằng sông Hồng :

 **A.** Sông ngoài **B.** Than bùn. **C.** Khí hậu  **D.** Đất phù sa.

**Câu 16.** Thành phố nào của Đồng bằng sông Hồng được mệnh danh là thành phố cảng:

 **A.** Hà Nội. **B.** Hải Phòng. **C.** Ninh Bình. **D.** Nam Định.

**Câu 17:** Mật độ dân số nước ta thấp ở

**A.** miền núi. **B.** đồng bằng. **C.** thành phố. **D.** ven biển.

**Câu 18:** Nét văn hóa riêng của mỗi dân tộc được thể hiện thông qua

**A.** ngôn ngữ, trang phục, tập quán. **B.** ngôn ngữ, phong tục, tập quán.

**C.** ngôn ngữ, trang phục, số dân. **D.** ngôn ngữ, phong tục, số dân.

**Câu 19:** Nhận định nào sau đây **không** đúng với đặc điểm nguồn lao động của nước ta hiện nay?

**A.** Người lao động nước ta cần cù, sáng tạo.

**B.** Chất lượng lao động ngày càng được nâng lên.

**C.** Người lao động có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp.

**D.** Người lao động có tác phong công nghiệp và tính kỷ luật lao động cao.

**Câu 20:** Tác động lớn nhất của quá trình đô thị hoá tới nền kinh tế nước ta hiện nay là

**A.** giảm tỉ lệ lao động thiếu việc làm.

**B.** làm môi trường trong lành hơn.

**C.** thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**D.** nâng cao trình độ của người lao động.

**Câu 21:** Hiện nay, khó khăn lớn đối với sản xuất công nghiệp nước ta là

**A.** người dân thích dùng hàng hóa nhập ngoại.

**B.** chịu sự cạnh tranh của hàng hóa nước ngoài.

**C.** sức mua của thị trường trong nước giảm mạnh.

**D.** thị hiếu của người tiêu dùng đang thay đổi.

**Câu 22:** Rừng phòng hộ ở nước ta **không** bao gồm

**A.** dải rừng ngập mặn ven biển. **B.** rừng đầu nguồn các con sông.

**C.** rừng nguyên liệu sản xuất giấy. **D.** dải rừng chắn cát ven biển.

**Câu 23:** Phát biểu nào sau đây đúng về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở nước ta?

**A.** Hình thành các vùng kinh tế trọng điểm.

**B.** Tỉ trọng nông - lâm - ngư nghiệp tăng nhanh.

**C.** Hình thành các vùng chuyên canh nông nghiệp.

**D.** Tỉ trọng công nghiệp - xây dựng tăng nhanh.

**Câu 24:** Loại hình vận tải chiếm tỉ trọng thấp nhất trong cơ cấu vận chuyển hàng hóa ở nước ta là

**A.** đường hàng không. **B.** đường bộ. **C.** đường sông. **D.** đường biển.

**Câu 25:** Hiện nay, chăn nuôi bò sữa ở nước ta có xu hướng phát triển mạnh ở

**A.** các cao nguyên ba dan. **B.** ven các thành phố lớn.

**C.** các đồng bằng ven sông. **D.** vùng đồng bằng ven biển.

**Câu26:** Tài nguyên du lịch tự nhiên ở nước ta **không** phải là

**A.** các lễ hội. **B.** các hang động. **C.** các bãi tắm. **D.** các vườn quốc gia.

**Câu 27:** Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có

A. 13 tỉnh và thành phố. B. 14 tỉnh và thành phố.

C. 15 tỉnh và thành phố. D. 16 tỉnh và thành phố.

**Câu 28:** Tỉnh nào sau đây **không** thuộc vùng trung du và miền núi Bắc Bộ?

A. Tuyên Quang. B. Bắc Ninh. C.Thái Nguyên. D. Hà Giang.

II. LÍ THUYẾT

**Câu 1:**

a.Trình bày nguồn lao động của nước ta.

 - Nguồn lao động nước ta dồi dào, tăng nhanh, bình quân mỗi năm tăng thêm hơn 1 triệu lao động.

- Người lao động nước ta có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông lâm ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, có khả năng tiếp thu khoa học, kĩ thuật.

- Chất lượng nguồn lao động đang được nâng cao,

- Lực lượng lao động tập trung chủ yếu ở nông thôn.

- Người lao động còn hạn chế về thể lực và trình độ chuyên môn, tỉ lệ lao động qua đào tạo còn thấp.

b. Thế nào là ngành công nghiệp trọng điểm.

**Câu 2:**

a.Trình bày nguồn lao động của nước ta.

 b. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh có những điều kiện thuận lợi nào để trở thành 2 Trung tâm thương mại, dịch vụ lớn nhất cả nước ?

**Câu 3**: a,Dựa vào Atlats địa lí trang 19 hãy kể tên các tỉnh trồng nhiều lúa ở nước ta?

b, Tại sao nước ta lại xuất khẩu được nhiều gạo trên thế giới?

Câu 4: Dựa vào Atlats địa lí trang 22:

a, ngành công nghiệp năng lượng nước ta bao gồm những ngành nào? Kể tên một số nhà máy nhiệt điện và thủy điện ở nước ta?

b, ngành công nghiệp chế biến lương thục thực thực phẩm gồm những ngành nào? Kể tên một số trung tâm công nghiệp chế biến lương thưc thực phẩm lớn ở nước ta?

c, Ngành CN sản xuất hàng tiêu dùng gồm những ngành nào? Kể tên một sồ trung tâm công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng lớn ở nước ta?

III. BÀI TẬP

**Câu 1.**

**Cho bảng số liệu về diện tích gieo trồng các nhóm cây của nước ta**

 **(đơn vị: nghìn ha)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nhóm cây** | **1990** | **2002** |
| Tổng số | 9040,0 | 12831,4 |
| Cây lương thực | 6474,6 | 8320,3 |
| Cây công nghiệp | 1199,3 | 2337,3 |
| Cây thực phẩm, cây ăn quả, cây khác | 1366,1 | 2173,8 |

1. Vẽ biểu đồ tròn thể hiện cơ cấu diện tích gieo trồng các nhóm cây của nước ta năm 1990 và 2002.
2. Nhận xét sự thay đổi tỉ trọng diện tích gieo trồng của các nhóm cây.

- Cơ cấu diện tích gieo trồng các nhóm cây ở nước ta có sự thay đổi từ 1990 đến 2002:

 + Nhóm cây lương thực: giảm ( dẫn chứng )

 + Nhóm cây công nghiệp: tăng ( dẫn chứng )

 + Nhóm cây ăn quả: tăng ( dẫn chứng ).

**Câu 2**

Cho bảng số liệu sau: ***Cơ cấu diện tích cây công nghiệp năm 2000 và năm 2007* (%)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **2000** | **2007** |
| Cây công nghiệp hàng năm | 34,9 | 31,7 |
| Cây công nghiệp lâu năm | 65,1 | 68,3 |
| Tổng số | 100,0 | 100,0 |

*(Nguồn số liệu theo Website: https://www.gso.gov.vn)*

a.Hãy vẽ biểu đồ tròn thể hiện cơ cấu diện tích cây công nghiệp năm 2000 và năm 2007

b Qua biểu đồ, nhận xét sự thay đổi cơ cấu diện tích cây công nghiệp năm 2000 và năm 2007.

 Nhận xét: Cơ cấu diện tích cây công nghiệp có sự thay đổi.

+ Tăng tỉ trọng diện tích nhóm cây công nghiệp lâu năm (dẫn chứng). Giảm tỉ trọng diện tích nhóm cây công nghiệp hàng năm (dẫn chứng).

+ Diện tích cây công nghiệp lâu năm luôn chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu diện tích cây công nghiệp (dẫn chứng).

c. Giải thích vì sao có sự thay đổi đó.

 Giải thích: + Cây công nghiệp lâu năm có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển (địa hình, khí hậu, đất đai....) và có giá trị xuất khẩu cao.

+ Cây công nghiệp hàng năm thường trồng ở đồng bằng xen canh với cây lúa, khả năng mở rộng diện tích hạn chế.....

**Câu 3***.* Cho bảng số liệu sau:CƠ CẤU SẢN LƯỢNG THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA (%)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **2011** | **2016** |
| Khai thác | 46,2 | 47,0 |
| Nuôi trồng | 53,8 | 53,0 |
| Tổng số | 100,0 | 100,0 |

*(Nguồn số liệu theo Website: https://www.gso.gov.vn)*

a. Vẽ biểu đồ cột chồng thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu sản lượng thủy sản của nước ta năm 2011 và 2016.

b. Qua biểu đồ, nhận xét sự chuyển dịch cơ cấu sản lượng thủy sản của nước ta năm 2011 - 2016.

Nhận xét

+ Tỉ trọng sản lượng thủy sản khai thác nhỏ hơn thủy sản nuôi trồng (dẫn chứng).

+ Tỉ trọng sản lượng thủy sản khai thác tăng, thủy sản nuôi trồng giảm (dẫn chứng).

c. Giải thích tại sao tỉ trọng sản lượng thủy sản khai thác nhỏ hơn thủy sản nuôi trồng?

 Giải thích :

 - Ngành nuôi trồng luôn được ưu tiên phát triển nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao

- Thủy sản khai thác gần bờ ngày một cạn kiệt……